

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 1 (2025-2026)

(41)

C. Thảo

Môn học: Anh văn 1 (22400301)

- Thi Viết:

Ngày thi: 13/11/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: A201

H: 04

A: 31

Số SV có mặt: 35

Số bài thi: 35

Số tờ giấy thi: 35

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 14/11/2025

Giờ thi: 7h30

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 35

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Nguyễn Thị Thanh Thảo

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Lan

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

Nguyễn Thị Lan

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

Trần Thị Thảo

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

Nguyễn Thị Lan

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Nguyễn Thị Lan

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2122100188	Hứa Thị Kim	Anh	15/04/2004	CCQ2210F	1588		6,9		6,9	6,9	7,5	7,1	
2	2122170279	Phan Võ	Bào	21/10/2004	CCQ2217G	1587								
3	2122170123	Trần Quốc	Bào	09/08/2004	CCQ2217C									
4	2122050151	Lê Quý	Cầu	11/10/2004	CCQ2205C	1587		7,8		5,0	6,4	7,4	6,8	
5	2121050077	Bùi Xuân	Chiến	25/09/2003	CCQ2105A	1588		7,4		7,7	7,6	5,9	6,9	
6	2122120461	Trần Mai Hải	Đặng	15/07/2004	CCQ2212N	1585		6,2		5,0	5,6	5,3	5,5	
7	2122170615	Trần Văn Võ	Đặng	28/04/2004	CCQ2217P									
8	2122170550	Nguyễn Bá	Đạt	16/09/2004	CCQ2217N	1586		5,2		0,7	3,0	6,3	4,3	
9	2122170281	Phan Trần Thái	Đạt	20/04/2002	CCQ2217G	1587		5,8		2,8	4,3	7,7	5,7	
10	2122170551	Nguyễn Hữu Phúc	Đức	18/07/2004	CCQ2217N									
11	2122170335	Nguyễn Tấn	Đức	04/06/2004	CCQ2217I	1586		6,7		7,6	7,2	7,2	7,2	
12	2123050220	Võ Trương	Đức	19/05/2005	CCQ2305E	1585		7,2		5,8	6,5	6,5	6,5	
13	2121120273	Huỳnh Văn	Dương	25/09/2003	CCQ2112H									
14	2122170557	Huỳnh Thái	Duy	23/09/2004	CCQ2217N									
15	2122170553	Mai Thành	Duy	26/10/2004	CCQ2217N									
16	2123200567	Lê Thị	Giang	09/08/2005	CCQ2320F	1585		9,4		7,7	8,6	8,4	8,5	
17	2122110237	Lê Nhật	Hân	29/01/2003	CCQ2211F	1588		6,6		2,8	4,7	6,8	5,5	
18	2122170451	Võ Hùng	Hậu	11/05/2004	CCQ2217L									

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

(41)
C.Thảo

Môn học: Anh văn 1 (22400301)

- Thi Viết:

Ngày thi: 13/11/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: A201

Số SV có mặt: 35

Số bài thi: 35

Số tờ giấy thi: 35

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 14/11/2025 Số SV có mặt: 35

Giờ thi: 7h30 Số bài thi:

Phòng thi: 05-26 Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
19	2122170697	Trần Quốc	Hoàng	08/04/2004	CCQ2211L	1586		6,1		3,8	5,0	5,9	5,4	
20	2122030112	Lương Văn	Hội	07/06/2004	CCQ2203D	1585		1,6		5,6	5,1	4,8	5,0	
21	2122030217	Nguyễn Văn	Hưng	25/03/2004	CCQ2203F	1588		1,9		4,5	4,7	8,2	6,1	
22	2122170541	Phạm Quang	Huy	10/10/2004	CCQ2217N	1588		1,5		0,7	2,6	6	4,0	
23	2122030061	Trần Minh	Huy	09/01/2004	CCQ2203B	1585		6,4		5,0	5,7	5,3	5,5	
24	2122030189	Trần Minh	Kết	25/10/2003	CCQ2203F	1586		5,3		2,0	3,7	5,9	4,6	
25	2122110293	Nguyễn Phạm Gia	Khang	11/04/2004	CCQ2211H							0		
26	2122270023	Nguyễn Thị Nhật	Kiều	29/09/2004	CCQ2227A	1588		6,7		8,2	7,5	5,9	6,9	
27	2122170176	Phan Thiên	Kim	12/07/2004	CCQ2217E	1585		6,3		5,0	5,7	7,2	6,3	
28	2122170668	Trần Tấn	Lợi	18/02/2004	CCQ2217Q							0		
29	2122170321	Dương Minh	Lương	12/10/2003	CCQ2217H	1587		6,3		4,6	5,5	7,1	6,1	
30	2122030039	Đỗ Ngọc	Miền	17/10/2004	CCQ2203B							4,8		
31	2122100163	Lê Thị Diễm	My	20/02/2004	CCQ2210E	1586		5,8		5,7	5,8	8,2	6,8	
32	2122110281	Nguyễn Phương	Nam	12/08/2003	CCQ2211H	1585		6,7		9,3	8,0	7,1	7,6	
33	2123200429	Lê Thị Thanh	Ngân	25/08/2005	CCQ2320E	1588		7,3		6,7	7,0	8,9	7,8	
34	2122180081	Hồ Đỗ Trung	Nguyễn	05/07/2004	CCQ2218C	1587		7,6		1,5	4,6	5,5	5,0	
35	2122170571	Đỗ Thanh	Nhà	14/10/2003	CCQ2217O	1586		7,8		7,3	7,6	7,1	7,4	
36	2122260029	Hồ Minh	Phát	21/12/2003	CCQ2226A	1585		6,3		8,0	7,2	8,3	7,6	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400301)

- Thi Viết:

Ngày thi: 13/11/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: A201

Số SV có mặt: 35

Số bài thi: 35

Số tờ giấy thi: 35

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 14/11/2025 Số SV có mặt: 35

Giờ thi: 7h30 Số bài thi:

Phòng thi: D5-26 Số tờ giấy thi:

Nguyễn Thảo

Trần Thị Lan

Nguyễn Văn

Trần Thị Thảo

Nguyễn Văn

Nguyễn T. Văn

(41)

C. Thảo

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
37	2123170501	Huỳnh Gia	Phú	01/11/2004	CCQ2317N	1588	<i>Phú</i>	7,1	<i>Phú</i>	6,8	7,0	8,7	7,7	
38	2122100363	Đinh Hoàng	Phúc	26/11/2004	CCQ2226E	1587	<i>Phúc</i>	4,6	<i>Phúc</i>	4,1	4,4	7,5	5,6	
39	2122040021	Nguyễn Văn	Phương	21/12/2004	CCQ2204A							0		
40	2122200167	Võ Thị Uyên	Phương	28/11/2004	CCQ2220LA	1585	<i>Uyên</i>	9,3	<i>Uyên</i>	7,4	8,4	7,6	8,1	
41	2122170591	Ngưu Thanh	Tân	14/02/2004	CCQ22170	1587	<i>Tân</i>	4,5	<i>Tân</i>	2,7	3,6	5,2	4,2	
42	2123050195	Vũ Tiến	Thanh	30/09/2005	CCQ2305E	1588	<i>Tiến</i>	7,0	<i>Tiến</i>	5,4	6,2	6,2	6,2	
43	2122170630	Nguyễn Văn	Thành	25/08/2004	CCQ2217P							4,1		
44	2123170462	Dương Văn	Thảo	17/04/2004	CCQ2317N	1586	<i>Thảo</i>	5,7	<i>Thảo</i>	5,0	5,4	5,6	5,5	
45	2122050124	Võ Đức	Thịnh	12/12/2004	CCQ2205D	1587	<i>Đức</i>	7,8	<i>Đức</i>	5,2	6,5	7,8	7,0	
46	2122170151	Đào Bảo	Thương	06/11/2004	CCQ2217D							3,8		
47	2122170582	Nguyễn Hồng	Tiến	09/10/2004	CCQ22170	1585	<i>Hồng</i>	5,0	<i>Hồng</i>	5,0	5,0	7,5	6,0	
48	2122170475	Phan Trung	Tín	01/01/2004	CCQ2217L							0		
49	2122030181	Nguyễn Thanh	Toán	27/07/2002	CCQ2203H	1587	<i>Toán</i>	6,5	<i>Toán</i>	6,6	6,6	8,6	7,4	
50	2122100266	Nguyễn Lê Anh	Tú	28/10/2004	CCQ2210H	1587	<i>Anh</i>	6,8	<i>Anh</i>	6,1	6,5	8,5	7,3	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 1 (2025-2026)

D: 24
H: 1

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viễn chấm thi 1
Môn Viết

G.Viễn chấm thi 2
Môn Viết

G.Viễn chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viễn chấm thi 2
Môn Văn đáp

C. Hề

Môn học: Anh văn 1 (22400302)

- Thi Viết:

Ngày thi: 13/11/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: A206

Số SV có mặt: 25
Số bài thi: 25
Số tờ giấy thi: 25

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 14/11/2025 Số SV có mặt: 24

Giờ thi: 7h30 Số bài thi:

Phòng thi: B5-27 Số tờ giấy thi:

Lưu TXuân

Huyền
Phạm Thanh Huyền

Trần Thị Thiên

Phạm Thị Huệ

Chợ

P.V. Mập

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123220047	Lâm Lê Bình	An	13/12/2005	CCQ2322B	1585	MV	8,3	LV	8,3	8,3	9	8,6	
2	2122050122	Nguyễn Chi	An	15/11/2004	CCQ2205D							0	Cấm thi	
3	2122170855	Hồ Tấn	Đạt	22/04/2004	CCQ2217R							0	Cấm thi	
4	2122270102	Vũ Bá	Đạt	22/05/2003	CCQ2227D							0	Cấm thi	
5	2122170384	Lưu Bình	Đức	17/01/2004	CCQ2217J	1585	Đu	5,9	Đu	7,1	6,5	7,3	6,8	
6	2122120279	Nguyễn Lê Thanh	Hà	09/03/2004	CCQ2212I	1586	Đu	7,3			0	3	1,2	
7	2121180061	Lưu Hoài	Hiếu	20/09/2003	CCQ2118B	1587	Đu	7,0	Đu	7,5	7,3	6,5	7,0	
8	2123200386	Nguyễn Trung	Hiếu	19/02/2005	CCQ2320E	1588	Đu	7,4	Đu	6,8	7,1	7,9	7,4	
9	2123110465	Nguyễn Tấn	Hiếu	28/10/2005	CCQ2311E	1585	Hiếu	4,7	Hiếu	6,5	5,6	6,7	6,0	
10	2122180112	Nguyễn Hữu	Hội	16/10/2003	CCQ2218LA	1586	Hoi	8,3	Hoi	6,5	7,4	7,3	7,4	
11	2123200532	Triệu Quang	Huy	02/12/2005	CCQ2320E							0	Cấm thi	
12	2123030167	Lưu Tấn	Kiến	02/03/2005	CCQ2303E							0	Cấm thi	
13	2123110201	Lê Trương Anh	Kiệt	19/08/2005	CCQ2311F	1587	Đu	8,1	Đu	8,1	8,1	7,2	7,7	
14	2123110109	Nguyễn Văn	Lâm	11/02/2005	CCQ2311D	1588	Đu	8,9	Đu	8,5	8,7	8,2	8,6	
15	2123200164	Đương Thị Thủy	Linh	16/08/2005	CCQ2320B							0	Cấm thi	
16	2123300085	Đặng Thành	Lợi	09/01/2005	CCQ2330C	1586	Đu	9,3	Đu	8,0	8,7	8,8	8,5	
17	2122070029	Nguyễn Thị Quỳnh	Mai	12/08/2004	CCQ2207A	1586	Đu	6,0	Đu	6,8	6,4	6,5	6,4	
18	2122070037	Trịnh Quang	Nam	26/03/2003	CCQ2207B							3	Cấm thi	

07/11/2025

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G Viên chấm thi 1
Môn Viết

G Viên chấm thi 2
Môn Viết

G Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400302)

- Thi Viết:

Ngày thi: 13/11/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: A206

Số SV có mặt: 25

Số bài thi: 25

Số tờ giấy thi: 25

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 14/11/2025 Số SV có mặt: 24

Giờ thi: 7h30 Số bài thi:

Phòng thi: D5-27 Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
19	2122040046	Trần Chí	Nguyễn	04/09/2004	CCQ2204B							0	Cấm thi	
20	2123120665	Huỳnh Trọng	Nhân	03/04/2005	CCQ2312K	1585	nh	6,0	nh	6,5	6,3	7,5	68	
21	2122110414	Nguyễn Văn Long	Nhật	05/07/2004	CCQ2211K							2	Cấm thi	
22	2123170475	Đỗ Phan Ngọc	Phát	26/06/2005	CCQ2317N	1586	Phát	7,5	Phát	6,8	7,2	8,3	76	
23	2123040038	Lương Văn	Phú	25/04/2005	CCQ2304B							0	Cấm thi	
24	2123050129	Bùi Văn	Phúc	23/03/2005	CCQ2305C	1588	Ph	7,1	Ph	6,0	6,6	6,5	66	
25	2123170460	Từ Gia	Phúc	28/08/2005	CCQ2317M	1597	Phuc	6,6	Phuc	8,7	7,7	7,5	76	
26	2123200493	Trần Thị Trúc	Phương	28/01/2005	CCQ2320F	1588	Ph	7,6	Ph	8,6	8,1	7,5	79	
27	2122150037	Đỗ Thế	Quân	01/01/2004	CCQ2215B							0	Cấm thi	
28	2123210153	Trần Công	Quang	10/10/2005	CCQ2321E							0	Cấm thi	
29	2123200539	Hồ Thị Anh	Thư	11/10/2005	CCQ2320F							0	Cấm thi	
30	2122170594	Nguyễn Cảnh	Thuần	21/10/2004	CCQ2217O	1588	Thuần	7,5	Thuần	6,3	6,9	7,5	72	
31	2122170074	Nguyễn Quốc	Thuận	23/05/2004	CCQ2217B							0	Cấm thi	
32	2122050006	Nguyễn Duy	Tiền	09/01/2003	CCQ2205A	1584	Tiền	6,2	Tiền	5,5	5,9	6,7	62	
33	2123110173	Phan Thanh Đức	Tín	13/02/2005	CCQ2311E	1585	Tín	6,6	Tín	8,5	7,6	7,8	77	
34	2123170467	Phan Quốc	Toàn	21/09/2005	CCQ2317N	1586	Toàn	5,7	Toàn	8,5	7,1	8,1	75	
35	2123200497	Nguyễn Thị	Trang	24/03/2005	CCQ2320F	1587	Trang	6,2	Trang	7,7	7,0	7,3	71	
36	2122170654	Lê Duy	Trung	15/06/2004	CCQ2217Q	1588	Trung	7,2	Trung	6,8	7,0	8,2	75	

07/11/2025

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 1 (2025-2026)

(42)
C.H.

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400302)

- Thi Viết:

Ngày thi: 13/11/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: A206

Số SV có mặt: 25
Số bài thi: 25
Số tờ giấy thi: 25

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 14/11/2025 Số SV có mặt: 24
Giờ thi: 7h30 Số bài thi:
Phòng thi: D5-28 Số tờ giấy thi:

(Signatures of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
37	2123030205	Lê Minh	Tù	15/08/2005	CCQ2303F	1587	<i>(Signature)</i>	3,9	<i>(Signature)</i>	5,5	4,7	6,7	55	
38	2122180104	Nguyễn Ngọc	Tư	27/11/2003	CCQ2218LA							0	Cấm thi	
39	2121170264	Phạm Quốc	Tuấn	11/07/2003	CCQ2117H							0	Cấm thi	
40	2122200133	Đặng Phương	Uyên	06/09/2004	CCQ2220D	1585	<i>(Signature)</i>	19,6	<i>(Signature)</i>	6,0	7,8	7,2	76	
41	2123050071	Nguyễn Anh	Vân	29/04/2005	CCQ2305B							0	Cấm thi	
42	2122030225	Đặng Quang	Vĩ	06/01/2003	CCQ2203G							0	Cấm thi	
43	2121120251	Nguyễn Song Hoài	Vỹ	01/11/2003	CCQ2112H	1586	<i>(Signature)</i>	6,4	<i>(Signature)</i>	7,8	7,1	7	71	